

Số: 14/2022/QĐCNHGT-
HNGĐ

Đông Anh, ngày 31 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của anh T và chị Th.
Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 15 tháng 08 năm 2022 của anh T
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Anh **T**, sinh năm: 1986;

Hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở: Đội 7, thôn B, xã K, huyện Đông Anh, Hà Nội.

+ Chị **Th**, sinh năm: 1986;

Hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở: Thôn N, xã K, huyện Đông Anh, Hà Nội

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- Sổ hộ khẩu gia đình (Bản sao);
- Xác nhận thông tin về quản lý tạm trú;
- CCCD của anh T, chị T (Bản sao).
- Giấy khai sinh của con (Bản sao);
- Đơn trình bày nguyện vọng của các con;
- Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án;
- Thông báo chuyển vụ việc sang hòa giải;
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải;
- Bản tự khai của anh T, chị Th tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 10 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 10 năm 2022 cụ thể như sau:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị Th.

- Về con chung: Anh T và chị Th sinh được 03 con chung là Tr, sinh ngày 14/4/2008; Tr2, sinh ngày 15/11/2014 và A, sinh ngày 09/12/2020. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu Tr và cháu Tr2 cho bố trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu A cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T, chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện anh T và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

II. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh T và chị Th thỏa thuận để anh T chịu toàn bộ nhưng được trừ vào 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047158 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh T đã nộp đủ tiền lệ phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- UBND xã S (cũ là T), Thái Thụy, Thái Bình để vào sổ đăng ký kết hôn (số 10, quyển số 01/2008);
- Lưu: hồ sơ việc hôn nhân gia đình.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Bách